TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 147/2020/QĐST-HNGĐ	Hai Bà Trưng, ngày 29 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 5 năm 2020

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: **Chị Nguyễn Thị Hồng N** – sinh năm 1978

Và Anh Trần Hải L – sinh năm 1976

Cùng hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 2 T, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2002 tại UBND phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đây là kết hôn lần thứ nhất của anh chị Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại số 2 T, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm

lối sống, tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng nói chuyện với nhau và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Chị N, anh L hiện sống đã ly thân từ năm 2009.

Nay chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức K, sinh ngày 16/6/2003. Ly hôn, chị N, anh L thống nhất thỏa thuận để chị Nguyễn Thị Hồng N là người trực tiếp nuôi con chung cháu Trần Đức K. Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh L có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về công nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân

*** Về tình cảm:** Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L cùng thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:**

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức K, sinh ngày 16/6/2003. Ly hôn, chị N, anh L thống nhất thỏa thuận để chị Nguyễn Thị Hồng N là người trực tiếp nuôi con chung cháu Trần Đức K, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:**

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về công nợ chung:**

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Hải L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án :

Chị Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0003553 ngày 19/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Bùi Thi Xuân, Hai Bà Trưng, HN
(Số 42; quyển số 15 /2002)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thanh Tú